TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:124/2017/QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 30 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 153/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, thành phố S, Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, thành phố S, Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận thống

nhất giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom con chung Phạm Bảo Lâm, sinh 03/9/2014.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu.

Anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N theo biên bản thỏa thuận phân chia ngày 30 tháng 10 năm 2017 cụ thể: Anh T có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho chị N số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng chẵn).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán 01 lần vào ngày 01 tháng 6 năm 2018 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng chẵn).

Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chị khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

** Vê án phí:* Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0010798 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Hoàn trả anh Phạm Văn T 150.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ BÌNH